

Số: *41* /2020/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày *03* tháng *12* năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ
do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định
số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều
và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27/7/2014 của Thủ tướng
Chính phủ ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ
do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg ngày 15/5/2018 của Thủ tướng
Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc,
kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban
hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27/7/2014;*

*Theo đề nghị của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân
và Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại báo cáo số
286/BC-STP ngày 27/10/2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày *15* tháng *12* năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *✓*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/cáo);
- Như điều 3 (t/hiện);
- V0, V1, V2, V3, V4, V5;
- Các chuyên viên NCTH;
- Lưu: VT, TH2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tường Văn

QUY CHẾ

**Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do
Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: **41** /QĐ-UBND ngày **03** tháng **12** năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức thực hiện hoặc tham mưu thực hiện của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, không bao gồm văn bản có độ mật (sau đây gọi tắt là thực hiện nhiệm vụ được giao).

2. Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh (sau đây viết tắt là sở, ban, ngành), UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao (có danh sách các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, UBND cấp huyện kèm theo).

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Tất cả nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao thể hiện dưới các hình thức văn bản hành chính (công văn, thông báo, kế hoạch, chỉ thị, chương trình công tác...) phải được cập nhật thông tin kịp thời vào Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo, tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ, thường xuyên, công khai, minh bạch; bảo đảm tuân thủ Quy chế làm việc của UBND tỉnh và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Bảo đảm tính chủ động, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng và phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Kết hợp chặt chẽ giữa việc xây dựng, quản lý với kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện chương trình công tác của UBND tỉnh.

4. Bảo đảm hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành được liên tục, thông suốt trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật trong hệ thống hành chính nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh.

5. Gắn kết với chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý văn bản, hồ sơ công việc chỉ đạo, điều hành của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trên hệ thống chính quyền điện tử và hệ thống Quản lý văn bản và điều hành điện tử của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

6. Đảm bảo bí mật Nhà nước, an toàn, an ninh mạng trong quá trình theo dõi, trao đổi xử lý thông tin.

7. Thông tin giải đáp đề hỗ trợ các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, UBND cấp huyện, liên hệ điện thoại: 0203.3836088; địa chỉ Email: vpubnd@quangninh.gov.vn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “*Nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao*” bao gồm: Soạn thảo và trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, phê duyệt hoặc ban hành, phê duyệt theo thẩm quyền các đề án, báo cáo, dự án, dự thảo văn bản; những nhiệm vụ cụ thể khác được giao thực hiện trong các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (không bao gồm những nhiệm vụ thực hiện thường xuyên theo chức năng của sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện).

2. “*Văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh*” bao gồm: quyết định hành chính, chỉ thị, kế hoạch, công điện, công văn của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; các thông báo kết luận cuộc họp; các văn bản thông báo, truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

3. “*Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo*” là phần mềm quản lý theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho một đơn vị hoặc nhiều đơn vị thực hiện (hoặc phối hợp), có thời hạn hoàn thành hoặc không thời hạn. Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh có địa chỉ truy cập như sau: <http://theodoinhienvu.quangninh.gov.vn>.

Điều 4. Phân loại văn bản chỉ đạo, điều hành

1. Văn bản phải theo dõi, đôn đốc, kiểm tra theo quy chế này là văn bản có giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện chủ trì, bao gồm cả nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành và không quy định thời gian hoàn thành nhưng có nội dung công việc phải xử lý báo cáo UBND tỉnh, văn bản có nội dung báo cáo định kỳ trong năm. Các loại văn bản này phải được cập nhật, theo dõi, đôn đốc theo quy định tại Quy chế này.

2. Văn bản không phải theo dõi, đôn đốc, kiểm tra theo quy chế này là văn bản không xác định cơ quan chủ trì; nội dung nhiệm vụ có tính chất thường xuyên; các kế hoạch công việc dài hạn, nhiều năm; các văn bản cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ nhận lưu để biết, theo dõi và không phải báo cáo tình hình, kết quả thực hiện; văn bản chế độ mật; văn bản xử lý sự vụ, sự việc không phải là văn bản mật nhưng có nội dung mang tính nhạy cảm. Các loại văn bản này không phải cập nhật, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra theo quy định của Quy chế này.

Điều 5. Phân loại các nhiệm vụ

1. *Nhiệm vụ giao có thời hạn thực hiện.*

2. *Nhiệm vụ giao không có thời hạn thực hiện.*

Chương II

CẬP NHẬT THÔNG TIN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

Điều 6. Nội dung thông tin giao nhiệm vụ

1. Tên văn bản, số, ký hiệu, trích yếu, ngày, tháng, năm ban hành, người ký văn bản.
2. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ.
3. Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh được giao theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ.
4. Nội dung nhiệm vụ giao.
5. Thời hạn thực hiện nhiệm vụ (thời hạn phải báo cáo, trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc cơ quan, người có thẩm quyền khác hoặc thời hạn phải hoàn thành những nhiệm vụ cụ thể khác).

Điều 7. Quy trình và trách nhiệm cập nhật thông tin của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quy trình cập nhật thông tin:
 - a) Khi văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được ban hành, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh có trách nhiệm phân loại nhiệm vụ giao theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này; cập nhật và chuyển theo dõi đầy đủ nội dung thông tin về nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này vào Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo.
 - b) Hoàn thành việc phân loại nhiệm vụ, cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo và chuyển sang theo dõi không quá 03 ngày làm việc (đối với văn bản hỏa tốc thì ưu tiên cập nhật ngay sau khi ban hành) kể từ khi văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được ban hành. Trường hợp văn bản chỉ đạo, điều hành gồm nhiều nhiệm vụ, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị thì thời hạn này không quá 05 ngày làm việc.
2. Trách nhiệm của chuyên viên được phân công theo dõi:
 - a) Phân loại, rà soát, thống kê và cập nhật đầy đủ các nhiệm vụ vào Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh để theo dõi và chuyển các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố theo Quy chế này.
 - b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của nội dung thông tin cập nhật.
 - c) Thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ giao, bảo đảm đúng tiến độ, yêu cầu đề ra.

d) Xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ giao do các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện cập nhật trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Trách nhiệm vận hành, quản lý Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo:

a) Theo dõi, kiểm tra định kỳ về tình trạng hoạt động của phần mềm Quản lý văn bản và điều hành điện tử, Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo, khắc phục sự cố và các vấn đề xảy ra có liên quan.

b) Đảm bảo các phần mềm được quy định tại điểm a khoản này hoạt động liên tục, chịu trách nhiệm sao lưu định kỳ để đảm bảo tính an toàn, bảo mật cho cơ sở dữ liệu, chống xâm nhập sao chép dữ liệu. Trong trường hợp nâng cấp, cập nhật hoặc sửa chữa yêu cầu tạm ngừng hoạt động của Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo điều hành phải có thông báo trên Hệ thống trước 02 ngày làm việc.

c) Hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị khi có yêu cầu, tiếp nhận các đóng góp về phần mềm của các đơn vị tham gia để đề xuất sửa đổi, nâng cấp phần mềm để đáp ứng yêu cầu công việc. Hàng quý có báo cáo về yêu cầu kỹ thuật và các vướng mắc (nếu có).

d) Báo cáo chung về tình hình truy cập, xử lý thông tin của các cơ quan, đơn vị.

Điều 8. Quy trình và trách nhiệm cập nhật thông tin của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện

1. Quy trình cập nhật thông tin:

a) Đối với các nhiệm vụ được giao có thời hạn thực hiện, ngay sau khi có kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng văn bản hoặc chậm nhất sau 02 ngày nhiệm vụ bị quá hạn, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện phải cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao vào Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Đối với các nhiệm vụ giao không có thời hạn thực hiện, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện được giao nhiệm vụ chủ trì phải cập nhật tình hình thực hiện theo quý, 6 tháng, năm hoặc khi có kết quả thực hiện nhiệm vụ đó.

c) Đối với trường hợp nhiệm vụ được giao cần có thêm thời gian giải quyết: trước khi hết thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan được giao nhiệm vụ phải có văn bản xin gia hạn và phải xác định thời gian hoàn thành gửi UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét.

2. Trách nhiệm cập nhật thông tin:

a) Trên cơ sở nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao được chuyển đến từ Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có trách nhiệm rà soát, đối chiếu các thông tin trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo với các văn bản giao nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Trường hợp cập nhật thiếu nhiệm vụ giao hoặc nội dung nhiệm vụ được cập nhật và chuyển đến chưa chính xác hoặc không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở, ban, ngành và địa phương mình thì phải

trao đổi, thông tin kịp thời hoặc chuyển lại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh (nêu rõ lý do) để cập nhật bổ sung, điều chỉnh hoặc chuyển đến sở, ban, ngành và địa phương khác thực hiện theo quy định.

b) Phân công chuyên viên phụ trách cập nhật đầy đủ tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo.

Điều 9. Theo dõi, trao đổi, xử lý thông tin cập nhật

1. Trách nhiệm của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh:

Theo dõi, kiểm tra thông tin cập nhật về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo và số liệu trong các báo cáo của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện. Trường hợp phát hiện thông tin, số liệu cập nhật không chính xác hoặc có sai lệch, kịp thời trao đổi với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện để có sự thống nhất và điều chỉnh cho chính xác.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện:

a) Theo dõi, kiểm tra thông tin cập nhật về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo và số liệu trong các báo cáo của cơ quan, đơn vị mình.

b) Trường hợp thông tin cập nhật, số liệu báo cáo của cơ quan, đơn vị mình không chính xác với thực tế hoặc sai lệch so với thông tin trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện phải rà soát, điều chỉnh lại hoặc trao đổi, thông báo kịp thời với Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh để thống nhất và kịp thời lên Hệ thống.

c) Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về thời hạn cập nhật và tính chính xác, đầy đủ của các thông tin về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Quy chế này.

Chương III

THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn theo dõi, đôn đốc

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh:

a) Là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ giao; tổng hợp theo dõi và tham mưu UBND tỉnh trong việc giải quyết các đề xuất, kiến nghị của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện; chủ động, thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, công việc được giao của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xử lý, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao nhằm bảo đảm việc triển khai thực hiện đúng thời hạn, yêu cầu và hiệu quả.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đối với những vấn đề mà sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có ý kiến khác nhau trong việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

d) Tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiến nghị thành lập Đoàn kiểm tra để tiến hành kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện:

a) Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện là đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao phải chủ động, thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ giao; theo dõi, đôn đốc các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực được phân công, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ đúng tiến độ, yêu cầu, hiệu quả; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những sai sót theo thẩm quyền.

b) Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với cơ quan được giao chủ trì để triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; kịp thời cung cấp thông tin về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ cho cơ quan chủ trì thực hiện.

c) Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được giao cơ quan mình; thường xuyên theo dõi, đôn đốc các phòng, ban, đơn vị, cơ quan trực thuộc, UBND các xã, phường, thị trấn trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm đúng thời hạn, yêu cầu, hiệu quả.

Điều 11. Nội dung theo dõi, đôn đốc

1. Theo dõi, đôn đốc việc phân loại nhiệm vụ trong các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; cập nhật và chuyển theo dõi các nhiệm vụ được giao trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo.

3. Theo dõi, đôn đốc kịp thời việc tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

4. Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh hoặc phải điều chỉnh các nhiệm vụ; xử lý đối với các trường hợp chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đúng các nhiệm vụ được giao.

Điều 12. Hình thức theo dõi, đôn đốc

1. Thông qua Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo.

2. Thông qua báo cáo định kỳ hoặc đột xuất.
3. Qua làm việc, trao đổi trực tiếp.
4. Qua điện thoại, thư điện tử, fax...
5. Qua công tác kiểm tra.

Chương IV

KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra

1. Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh:

- a) Tham mưu, giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giao các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.
- b) Tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Tổ công tác để tiến hành kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh giao.
- c) Làm đầu mối giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giao cho các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố.
- d) Thường xuyên thực hiện kiểm tra việc cập nhật, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ giao; kiểm tra việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ giao theo quy định của Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện:

- a) Thực hiện kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.
- b) Kiểm tra việc cập nhật, theo dõi, đôn đốc, việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong nội bộ cơ quan mình và cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Điều 14. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra việc tổ chức, triển khai và tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo.
2. Kiểm tra việc cập nhật tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ giao trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.
3. Kiểm tra việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao các cơ quan, đơn vị.
4. Ngoài các nội dung kiểm tra nêu trên, tùy vào tình hình thực tế hoặc theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh. Việc kiểm tra có thể bổ sung thêm các nội dung cho phù hợp và đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 15. Hình thức và căn cứ kiểm tra

1. Kiểm tra thường xuyên, định kỳ hoặc theo kế hoạch được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.
2. Kiểm tra đột xuất hoặc theo yêu cầu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, cơ quan có thẩm quyền hoặc khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nội dung nhiệm vụ được giao.

Điều 16. Tổ chức kiểm tra

1. Căn cứ Quyết định kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra được triển khai thực hiện việc kiểm tra theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.
2. Trong quá trình kiểm tra, nếu thấy cần thiết, Trưởng đoàn kiểm tra có thể mời các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung kiểm tra tham dự cùng Tổ công tác. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời có trách nhiệm tham gia Đoàn kiểm tra đầy đủ, đúng thành phần.
3. Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, các cơ quan, đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ nội dung làm việc và báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao; cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin theo yêu cầu của Tổ công tác theo quy định.

Chương V

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 17. Trách nhiệm của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh

1. Hỗ trợ và cung cấp thông tin có liên quan cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.
2. Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao các cơ quan, địa phương. Định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ đã giao các cơ quan, đơn vị, địa phương trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.
3. Báo cáo, kiến nghị kịp thời UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp cần thiết nhằm đôn đốc các cơ quan, địa phương thực hiện các nhiệm vụ giao đã quá hạn quy định nhưng chưa thực hiện, triển khai thực hiện không đúng yêu cầu đề ra hoặc khi có các vấn đề phát sinh do các cơ quan, đơn vị phản ánh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.
4. Yêu cầu các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình cập nhật và kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao (lồng ghép vào báo cáo chỉ đạo điều hành).

5. Trong quá trình theo dõi, đôn đốc thực hiện, nếu nhận được thông tin phản hồi của UBND cấp huyện về việc các sở, ban, ngành tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ giao có liên quan đến UBND cấp huyện mà không đúng thời hạn hoặc không đúng yêu cầu, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh có trách nhiệm kiểm tra các thông tin phản hồi; trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin phản hồi, phải có văn bản đôn đốc các sở, ban, ngành có liên quan thực hiện hoặc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Văn bản đôn đốc hoặc văn bản thông báo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được đồng thời gửi đến các đơn vị có thông tin phản hồi để biết.

Điều 18. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện và các cơ quan đơn vị

1. Tự tiến hành kiểm tra, rà soát, tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong phạm vi quản lý của mình. Báo cáo kết quả tự kiểm tra phải đánh giá đầy đủ tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao, nêu rõ những tồn tại, hạn chế cũng như những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; đồng thời nêu đề xuất, kiến nghị trong việc thực hiện nhiệm vụ kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Định kỳ 6 tháng, năm hoặc trường hợp đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện phải báo cáo các nội dung theo quy định.

3. Đối với các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao đã đến hạn theo quy định nhưng chưa triển khai thực hiện, không đủ khả năng, điều kiện thực hiện hoặc triển khai thực hiện không đúng yêu cầu thì phải báo cáo kịp thời UBND tỉnh về khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh để báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hướng xử lý đối với các trường hợp này.

4. Đối với các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện có liên quan đến UBND cấp huyện nhưng không được các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện đúng thời hạn, đúng yêu cầu, thì UBND cấp huyện phản hồi thông tin kịp thời với Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh để có cơ sở đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan triển khai thực hiện đúng tiến độ.

Điều 19. Thời hạn thông tin, báo cáo định kỳ

1. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm hoặc trường hợp đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện gửi báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh (báo cáo định kỳ lồng ghép vào Báo cáo kinh tế - xã hội của các đơn vị).

2. Trên cơ sở số liệu của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh tổng hợp, xây dựng báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; báo cáo tại phiên họp UBND tỉnh thường kỳ hàng tháng.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Xây dựng, duy trì cơ sở dữ liệu phục vụ công tác theo dõi, đơn đốc, kiểm tra

1. Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh quản lý, vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, bảo đảm Hệ thống hoạt động thông suốt, an toàn, toàn vẹn dữ liệu; quản lý tài khoản người dùng của hệ thống.

2. Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh chủ trì, tiếp nhận các đóng góp của các đơn vị về Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo để đề xuất sửa đổi, nâng cấp phần mềm đảm bảo hoạt động thông suốt, an toàn; lập dự toán kinh phí hàng năm cho việc quản trị, duy trì, cập nhật phần mềm và gửi Sở Tài chính thẩm định, báo cáo UBND tỉnh cấp kinh phí.

3. Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo; tổ chức tập huấn triển khai thực hiện Quy chế và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi ý kiến chỉ đạo cho cán bộ, công chức làm công tác theo dõi, đơn đốc, kiểm tra.

Điều 21. Triển khai thực hiện Quy chế

1. Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế; hàng năm chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả triển khai thực hiện Quy chế này. Báo cáo, đề nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện nghiêm túc và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện Quy chế này. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định tại Quy chế này, các sở, ngành và UBND cấp huyện chỉ đạo xây dựng Quy chế về công tác theo dõi, đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong nội bộ cơ quan, đơn vị mình.

Điều 22. Khen thưởng và kỷ luật

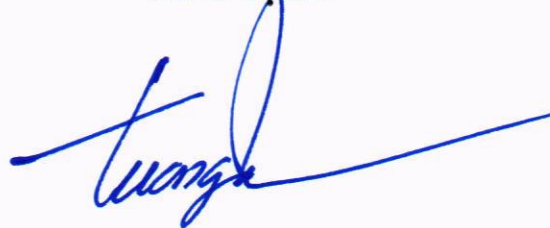
1. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Quy chế này được biểu dương, khen thưởng theo quy định pháp luật hiện hành về thi đua khen thưởng.

2. Kết quả thực hiện Quy chế này là một trong những tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân.

3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện không đầy đủ hoặc vi phạm các quy định của Quy chế này, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về UBND tỉnh (thông qua Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh) để tổng hợp, đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tường Văn

PHỤ LỤC

**Danh sách các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện thực hiện theo
Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do
Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Ghi chú
I	Các sở, ban, ngành	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh	
2	Sở Công Thương	
3	Sở Du lịch	
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	
5	Sở Giao thông Vận tải	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
8	Sở Lao động Thương binh Xã hội	
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
10	Sở Nội vụ	
11	Sở Ngoại vụ	
12	Sở Tài chính	
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	
14	Sở Tư pháp	
15	Sở Thông tin và Truyền thông	
16	Sở Văn hóa Thể thao	
17	Sở Xây dựng	
18	Sở Y tế	
19	Thanh tra tỉnh	
20	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh	
21	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Đồn	
22	Ban Xây dựng nông thôn mới	
23	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	
24	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	
25	Ban Dân tộc	
26	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
27	Ban An toàn giao thông	
28	Ban Quản lý vườn quốc gia Bái Tử Long	
29	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
30	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh	
31	Ban Quản lý Vịnh Hạ Long	
32	Ban Thi đua - Khen thưởng	
33	Trường Đại học Hạ Long	
34	Trung tâm Truyền thông	
35	Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ	
36	Trường cao đẳng Y tế Quảng Ninh	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Ghi chú
37	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
38	Công an tỉnh	
39	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	
40	Bảo hiểm xã hội tỉnh	
41	Cục thi hành án dân sự tỉnh	
42	Cục thuế Tỉnh	
43	Cục Thống kê	
44	Kho bạc Nhà nước tỉnh	
45	Ngân hàng chính sách tỉnh	
46	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Quảng Ninh	
47	Cục Hải quan tỉnh	
48	Tòa án nhân dân tỉnh	
49	Viện kiểm sát nhân dân	
II	UBND cấp huyện	
50	UBND huyện Đầm Hà	
51	UBND huyện Bình Liêu	
52	UBND Thành phố Cẩm Phả	
53	UBND huyện Cô Tô	
54	UBND Thị xã Đông Triều	
55	UBND huyện Hải Hà	
56	UBND Thành phố Hạ Long	
57	UBND Thành phố Móng Cái	
58	UBND Thị xã Quảng Yên	
59	UBND huyện Tiên Yên	
60	UBND Thành phố Uông Bí	
61	UBND huyện Vân Đồn	
62	UBND huyện Ba Chẽ	